



DINH DƯỠNG

Vì chất lượng cuộc sống

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA

Tên tiếng anh : BIBICA CORPORATION

Tên viết tắt : BIBICA

Vốn điều lệ : 154.207.820.000 đồng

Trụ sở chính : 443, Lý Thường Kiệt, F8, Q. Tân Bình, Tp HCM

Số điện thoại : 84.8.39717920

Số fax : 84.8.39717922

Website : www.bibica.com.vn

Mã cổ phiếu : BBC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600363970

Báo cáo thường niên 2016

NỘI DUNG

TÁM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

A.- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

I.- THÔNG TIN CHUNG	4
1. Quá trình hình thành và phát triển	4
2. Ngành nghề kinh doanh	6
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	8
4. Định hướng phát triển	10
5. Các rủi ro.....	10
II.- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	12
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	12
2. Tổ chức và nhân sự	13
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án và nghị quyết.....	15
4. Tình hình tài chính.....	16
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	18
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	19
III.- BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	21
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	21
2. Tình hình tài chính.....	23
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	23
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	24
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	25
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	26
IV.- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	27
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	27
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.....	27
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	27
V.- QUẢN TRỊ CÔNG TY	28
1. Hội đồng quản trị	28
2. Ban kiểm soát.....	30
3. Các giao dịch, thù lao và của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	31
VI.- BÁO CÁO TÀI CHÍNH	32
1. Ý kiến kiểm toán.....	32
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	34



Tầm nhìn

CÔNG TY BÁNH KẸO HÀNG ĐẦU VIỆT NAM



Sứ mệnh

LỢI ÍCH NGƯỜI TIÊU DÙNG: GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG & AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

LỢI ÍCH XÃ HỘI: 100 PHÒNG HỌC, 1000 SUẤT HỌC BỔNG.

Chính sách chất lượng

“KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA CHÚNG TÔI”

Cam kết

- Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm có giá trị dinh dưỡng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, hình thức đẹp, hấp dẫn, tất cả vì sức khỏe và sự ưa thích của khách hàng;
- Không ngừng cải tiến công tác quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ để có được sản phẩm và dịch vụ tốt nhất với giá thành tốt nhất;
- Duy trì mối quan hệ cùng có lợi với các đại lý, nhà phân phối, nhà cung ứng và các đối tác kinh doanh khác;
- Tuân thủ các quy định của Nhà nước, đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm sản xuất tại Công ty;
- Có trách nhiệm với xã hội, đóng góp tích cực cho xã hội, bảo vệ môi trường vì chất lượng cuộc sống của cộng đồng.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Quá trình hình thành và phát triển:

Thành lập Công ty:

- Ngày 16/01/1999, Công ty Cổ Phần Bánh Kẹo Biên Hòa với thương hiệu Bibica được thành lập từ việc cổ phần hóa ba phân xưởng: bánh, kẹo và mạch nha của Công ty Đường Biên Hoà;
- Vốn điều lệ 25 tỉ đồng;
- Mở rộng nâng công suất dây chuyền sản xuất kẹo mềm 11 tấn/ngày.

1999

Tăng vốn điều lệ, thành lập thêm nhà máy thứ 2 tại Hà Nội:

- **Năm 2000:**
 - Phát triển hệ thống phân phối theo mô hình mới. Thành lập ba chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ;
 - Đầu tư dây chuyền sản xuất bánh snack nguồn gốc Indonesia với công suất 2 tấn/ngày;
 - Công ty vinh dự là đơn vị đầu tiên trong ngành hàng bánh kẹo Việt Nam được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001 của tổ chức BVQI Anh Quốc.
- **Năm 2001:**
 - Tăng vốn điều lệ từ 25 tỉ đồng lên 35 tỷ đồng từ nguồn vốn tích lũy sau 2 năm hoạt động với pháp nhân Công ty Cổ Phần;
 - Tháng 7: nâng vốn điều lệ lên 56 tỉ đồng;
 - Tháng 9: đầu tư dây chuyền sản xuất bánh trung thu và cookies nhân công suất 2 tấn/ngày với tổng mức đầu tư 5 tỉ đồng;
 - Tháng 11: Công ty được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp phép niêm yết trên thị trường chứng khoán và chính thức giao dịch tại trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ đầu tháng 12/2001;
 - Cuối năm 2001, Công ty lắp đặt dây chuyền sản xuất bánh Bông Lan kem Hura cao cấp nguồn gốc Châu Âu, công suất 1,500 tấn/năm, với tổng mức đầu tư lên đến 19,7 tỷ đồng.
- **Năm 2002:**
 - Tháng 4: Thành lập Nhà máy Bánh Kẹo Biên Hoà II tại khu công nghiệp Sài Đồng B, Long Biên, Hà Nội;
 - Tháng 10: Đưa vào vận hành dây chuyền chocolate với công nghệ hiện đại của Anh Quốc. Sản phẩm Chocobella của Bibica nhanh chóng trở nên thân thiết với người tiêu dùng trong nước;
 - Cuối năm 2002, Công ty triển khai thực hiện dự án mở rộng dây chuyền Snack nâng công suất lên 4 tấn/ngày.
- **Năm 2004:**
 - Đầu tư vào hệ thống quản trị tổng thể doanh nghiệp ERP;
 - Hợp tác với Viện Dinh Dưỡng Việt Nam để phối hợp nghiên cứu sản xuất những sản phẩm dinh dưỡng, đáp ứng mong muốn sử dụng các sản phẩm tốt cho sức khỏe của người tiêu dùng;
 - Vào năm đầu năm 2005, với sự tư vấn của Viện Dinh Dưỡng Việt Nam, Công ty cho ra đời dòng sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ em, phụ nữ có thai và cho con bú, người ăn kiêng, bị tiểu đường.

2000

2005

2011
2016

Nâng cao hiệu quả quản trị Công ty:

- **Năm 2011:**
 - Cải tổ toàn diện hệ thống bán hàng, mở thêm nhà phân phối, tăng số lượng nhân sự bán hàng. Doanh số năm 2011 lần đầu tiên cán mức con số trên 1.000 tỉ.
- **Năm 2012:**
 - Đầu tư hệ thống quản lý bán hàng DMS và hoàn thiện hệ thống đánh giá cho lực lượng bán hàng và nhà phân phối;
 - Nâng cấp hệ thống quản trị tổng thể doanh nghiệp ERP lên phiên bản ERP R12 với kinh phí 4 tỉ đồng và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 12/2012.
- **Năm 2014:**
 - Đầu tư công cụ hỗ trợ bán hàng bằng thiết bị PDA, nhằm kiểm soát, thúc đẩy nhân viên viếng thăm cửa hàng trên tuyến và chuyển đơn hàng về Nhà phân phối tức thời;
 - Đầu tư hệ thống an toàn công nghệ thông tin đưa vào sử dụng từ tháng 9/2014 đảm bảo an toàn hoạt động hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin khi xảy sự cố mất điện, cháy nổ.
- **Năm 2015:**
 - Áp dụng thành công MFCA trong sản xuất, kiểm soát lãng phí trong sản xuất có hiệu quả và triệt để hơn.
- **Năm 2016:**
 - Lần đầu tiên cán mức doanh số trên 1.250 tỷ & tiếp tục được người tiêu dùng bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao 21 năm liền.



2. Ngành nghề kinh doanh

a. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa.



CÓ TRÊN
200
SẢN
PHẨM

Bánh

- Pie
- Sponge
- Biscuit, Cookies
- Trung thu, bánh mì

Kẹo

- Cứng
- Mềm
- Dẻo

Khác

- Sản phẩm dinh dưỡng dạng bánh, ngũ cốc, sữa bột
- Socola
- Mạch nha

b. Địa bàn:

- Khôi sản xuất:

- **Trụ sở chính CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA**
443 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh.
- **NHÀ MÁY BIBICA BIÊN HOÀ**
Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, phường An Bình, TP.Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
- **CÔNG TY TNHH MTV BIBICA MIỀN ĐÔNG**
Lô J1 - CN, đường D1, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- **NHÀ MÁY BIBICA HÀ NỘI**
B18, đường Công Nghiệp 6, Khu Công Nghiệp Sài Đồng B, phường Sài Đồng, quận Long Biên, Hà Nội.



Giới Thiệu Hội đồng quản trị:



Ông: Jung Woo Lee

- Chủ tịch HĐQT
- Ngày sinh: 17/12/1955
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành văn học anh ngữ Trường Đại Học Sogang
- 1989 – 2005 : Nhân viên phòng kinh doanh quốc tế Cty Lotte Confectionery Co.,Ltd
- 2005 – 2009 : Phó Giám đốc phòng kinh doanh quốc tế Cty Lotte Confectionery Co.,Ltd
- 2009 – 2013 : Giám đốc phòng kinh doanh quốc tế Cty Lotte Confectionery Co.,Ltd
- 2008 – Nay : Chủ tịch HĐQT Công ty CP BIBICA.



Ông: Trương Phú Chiến

- Phó chủ tịch HĐQT
- Ngày sinh: 26/12/1964
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Công nghiệp
- 1997 – 1999: Trưởng phòng XNK Công ty Đường Biên Hòa
- 1999 - 2000: Trưởng phòng XNK Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa
- 2000 – 7/2003: Trưởng phòng Vật tư Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa
- 7/2003 – 3/2008: CTHĐQT Công ty Cổ phần Bibica
- 3/2008 – đến nay: Phó Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Cty Cổ Phần Bibica.



Ông: Nguyễn Khắc Hải

- Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 24/08/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD, Thạc sĩ Luật
- 2001 – 2004: Chuyên viên pháp lý cao cấp, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam;
- 2007 – 2010: Thành Viên Ban Dự Án thành lập Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn; Giám đốc luật và Quản lý rủi ro Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
- 2010 – nay: Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
- 2012 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Giống cây trồng Trung ương
- 2014 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông
- 2015 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP BIBICA.



Ông: Kim Jun Yeon

- Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 15/08/1967
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Sinh học phân tử Trường Đại học Busan
- 1994 – 2000: Quản lý phòng pháp chế Lotte Confectionery Co.,Ltd
- 2000 – 2007: Quản lý phòng chiến lược nước ngoài Lotte Confectionery Co.,Ltd
- 2007 – 2012: Trợ lý quản lý R-TFT Lotte Confectionery Co.,Ltd tại Nga
- 2012 – 2015: Trưởng phòng chiến lược toàn cầu Lotte Confectionery Co.,Ltd
- 2016 – Nay : Phó Giám đốc phòng Kinh doanh toàn cầu Lotte Confectionery Co.,Ltd
- 2016 – Nay : Thành viên HĐQT Công ty CP BIBICA.



Ông: Võ Ngọc Thành

- Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 02/11/1961
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân Châu Á học và quản trị tiếp thị đại học Adamson, Manila, Philippines
- 1985 – 1988: Phó Phòng Kế hoạch - Xí nghiệp vật tư – Công ty Bông Trung Ương
- 1989 -1985: Trưởng văn phòng đại diện Công ty IMEX PAN PACIFIC – IPP tại Việt Nam
- 1996 -2015: Chủ tịch HĐQT – TGD công ty Cổ phần đầu tư An Phong – Hệ thống Maximark
- 2016 đến nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty thời trang M.Y.M.

4. Định hướng phát triển: Công ty đã thống nhất các mục tiêu chủ yếu như sau:

a. Mục tiêu:

- Đến năm 2021 trở thành Công ty bánh kẹo hàng đầu Việt Nam;
- Doanh số từ năm 2017 – 2021 tăng trưởng bình quân 20%/năm;
- Tập trung hệ thống phân phối vào các thành phố lớn: HCM, Hà Nội chiếm 30% doanh số Miền.



b. Chiến lược trung và dài hạn:

- Đầu tư mở rộng sản xuất tại Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông và Công ty TNHH Bibica miền Bắc;
- Phát triển dòng bánh kẹo chất lượng cao và dòng sản phẩm dinh dưỡng sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên có lợi cho sức khỏe;
- Phát triển kênh bán hàng Online cho Cửa hàng bán lẻ và Người tiêu dùng.

c. Phát triển bền vững:

- Xây dựng chính sách phát triển bền vững đảm bảo hài hòa các lợi ích của Cổ đông, các đối tác, Công nhân viên và Người tiêu dùng. Đi kèm với việc đảm bảo một môi trường làm việc với độ thỏa mãn ở mức cao;
- Cam kết đảm bảo các khoản đóng góp đối với Chính phủ và Cộng đồng như: Thuế, các nghĩa vụ và các khoản đóng góp xã hội khác. Công ty luôn luôn đảm bảo việc phát triển kinh doanh gắn liền với việc đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

5. Các rủi ro

a. Rủi ro chiến lược:

- Là các rủi ro được quản lý nhằm đảm bảo Công ty xây dựng được các chiến lược, kế hoạch kinh doanh phù hợp, xây dựng và phân bổ nguồn lực hợp lý và thích ứng kịp thời với những thay đổi trong môi trường kinh doanh;
- Trong năm 2016, Công ty mua dữ liệu đo lường thị trường bán lẻ để xem xét đầu tư và xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp.

b. Rủi ro hoạt động:

- Là các rủi ro liên quan đến việc xảy ra các thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do việc thiếu các quy trình, con người, hệ thống hoạt động hiệu quả và/hoặc các sự kiện tác động từ bên ngoài, gây tác động đến việc thực thi các kế hoạch kinh doanh;
- Công ty triển khai đánh giá hệ thống chất lượng nội bộ tần suất 2 tháng/lần nhằm đảm bảo các hoạt động đang được tuân thủ các quy trình thủ tục đã biên soạn;
- Hợp phân tích đánh giá định kỳ 1 tháng/lần cho các hoạt động trọng yếu.

c. Rủi ro tài chính:

- Là rủi ro liên quan đến các thiệt hại, tổn thất về tài chính, khả năng thanh toán các khoản nợ, quản lý tài sản;
- Xem chi tiết tại mục III.2 tình hình tài chính.

d. Rủi ro tuân thủ:

- Là rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định pháp luật và các cam kết, chế định khác;
- Công ty có Bộ phận Pháp chế thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật và ký hợp đồng tư vấn luật để đảm bảo các hoạt động, các hợp đồng kinh tế luôn tuân thủ pháp luật.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Kết quả thực hiện chỉ tiêu doanh số lợi nhuận:

Stt	Khoản mục	Doanh thu (Tỷ đồng)			So sánh	
		2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	2015	Kế hoạch 2016
1	Doanh thu thuần	1.171,78	1.250,80	1.263,43	107,8%	101,0%
2	Lợi nhuận trước thuế	105,51	82,15	97,01	91,9%	118,1%
3	Lợi nhuận sau thuế	85,81	65,12	81,28	94,7%	124,8%

b. Các hoạt động chính trong năm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh:

- Nghiên cứu cải tiến chất lượng bánh trung thu góp phần gia tăng doanh số lần đầu tiên cán mức 100 tỷ, vượt 3% kế hoạch;
- Cho ra đời dòng sản phẩm mới cao cấp Bánh Cookies rắc hạt với nhãn hiệu Goody gold phục vụ dịp tết nguyên đán 2017;
- Xin được Quota đường: 1.500 tấn, giá trung bình 578.6 USD/MT, góp phần làm giảm giá thành trong sản xuất;
- Có giải pháp tồn trữ và đấu thầu cung ứng chất béo và sữa trong 9 tháng đầu 2016 với giá tốt, giảm được 2.6 tỷ so với cùng kỳ;
- Tiếp tục hợp lý hóa tổ chức sản xuất Bánh Goody tăng 10% năng lực sản xuất và góp phần hạ giá thành sản xuất;
- Triển khai MFCA tại các Nhà máy góp phần giảm hao phí trong sản xuất từ trung bình năm 2015 là 1,69 % giảm trung bình còn 1,57%;
- Triển khai thành công giải pháp Shop key Bibica, tăng trưởng doanh số Shop key vượt 34% so cùng kỳ;
- Tiếp tục cải tiến chính sách tiền lương gắn liền với kết quả công việc của cá nhân và hiệu quả công kinh doanh công ty.



2. Tổ chức và nhân sự:

a. Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm công tác
1.	Ông Trương Phú Chiến	1964	Tổng Giám đốc Công ty	Cử nhân Kinh tế	29 năm
2.	Ông Phan Văn Thiện	1965	Phó TGD Kỹ thuật	Kỹ sư Nhiệt Cử nhân QTKD	25 năm
3.	Mr You Jai Hyung	1977	Giám đốc Tài chính	Cử nhân	13 năm
4.	Ông Trần Đức Tuyển	1968	Giám đốc Khối KH&DV	Cử nhân kinh tế	20 năm
5.	Ông Nguyễn Công Thành	1975	Giám đốc Khối HCNS	Cử nhân QTKD, Kỹ sư BHLĐ	17 năm
6.	Ông Trương Phú Cường	1977	Giám đốc Khối Bán hàng	Cử nhân QTKD	16 năm
7.	Ông Nguyễn Trọng Kha	1972	Giám đốc Khối NCPT	Kỹ sư Hóa TP	20 năm
8.	Ông Vũ Văn Thức	1978	Phó Giám đốc Khối TCKT	Cử nhân TCKT	16 năm
9.	Ông Lưu Anh Vũ	1987	Giám đốc Khối Mua hàng	Kỹ sư Hóa TP	09 năm
10.	Ông Trương Văn Khương	1970	Giám đốc Khối QA	Cử nhân QTKD	22 năm
11.	Ông Đạo Ngọc Huy	1972	Giám đốc Khối KTĐT	Kỹ sư Điện CN	21 năm
12.	Ông Nguyễn Văn Bình	1962	GD NM Bibica Biên Hòa	Kỹ sư Cơ khí	28 năm
13.	Ông Lê Xuân Dũng	1966	GD Cty Bibica Miền Đông	Kỹ sư Cơ khí Cử nhân QTKD	22 năm
14.	Ông Vũ Văn Tuyên	1978	Giám đốc NM Bibica Hà Nội	Kỹ sư Hóa TP	15 năm

b. Tình hình thay đổi nhân sự trong ban điều hành:

- Nhân sự nghỉ việc:

- Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Phó Tổng Giám Đốc SX, nghỉ việc từ ngày 15/07/2016
- Ông Lê Võ An – Phó Tổng Giám Đốc Kinh Doanh, nghỉ việc từ ngày 19/09/2016

- Nhân sự điều chuyển công tác:

- Ông Trần Ngọc Vũ Huy – Giám Đốc Khối QA được điều chuyển đảm nhận chức vụ Phó Giám Đốc Cty TNHH MTV Bibica Miền Đông, kể từ ngày 01/07/2016;
- Ông Trương Văn Khương – Phó Giám Đốc NM Bibica Biên Hòa được điều chuyển đảm nhận chức vụ Giám Đốc Khối QA, kể từ ngày 01/07/2016.

- Bổ nhiệm nhân sự mới:

- Bổ nhiệm Ông Trương Phú Cường đảm nhận chức vụ Giám Đốc Khối Bán Hàng, kể từ ngày 01/07/2016.

- **Số lượng lao động, thu nhập bình quân năm 2016 (bao gồm cả lực lượng bán hàng):**

Các chỉ tiêu chính	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Lao động bình quân năm	1.764	1.707	1.689	1.674	1.737
Quỹ lương, thưởng (tỷ đồng)	124,86	127,62	155,61	194,91	215,98
BQ thu nhập (người/tháng)	6.883.425	7.217.787	8.504.365	9.702.807	9.965.737
- Trong đó lương	5.678.996	6.147.246	6.842.372	6.848.460	7.867.679
- Thưởng và các thu nhập khác	1.204.429	1.124.541	1.661.272	2.854.347	2.098.058

- **Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc (Tính đến tháng 12/2016):**

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ:	1.737	
Trên đại học	2	0,1%
Đại học	250	14,4%
Cao đẳng	92	5,3%
Trung cấp, CNKT lành nghề	537	30,9%
Lao động phổ thông	856	49,3%
Theo tính chất công việc:	1.737	
Lao động trực tiếp sản xuất	342	20%
Lao động gián tiếp, phục vụ sản xuất	745	43%
Lao động lực lượng bán hàng toàn quốc	650	37%

- **Chính sách lương, thưởng đối với người lao động:**

- Trong năm 2016: Công ty tiếp tục áp dụng chính sách lương gắn với hiệu quả công việc.
 - ✚ Đối với Quản trị viên (QTV) và nhân viên gián tiếp và phục vụ áp dụng trả lương theo hiệu quả công việc (KPI). Trong đó QTV KPI chiếm 40%, nhân viên KPI chiếm 20%. Các chỉ tiêu KPI gắn với hiệu quả hoạt động của Công ty gồm 3 nhóm như sau: Nhóm chỉ tiêu KPI liên quan đến các chỉ tiêu chung của Công ty gồm Doanh số, lợi nhuận, giá vốn sản xuất; Nhóm chỉ tiêu KPI công việc liên quan đến công việc cụ thể của từng cá nhân; Nhóm KPI công việc do trưởng đơn vị giao trực tiếp;
 - ✚ Đối với công nhân viên trực tiếp sản xuất từ cấp trưởng ca sản xuất trở xuống áp dụng chính sách lương theo đơn giá sản phẩm. Lương sản phẩm sẽ được tính theo chuyên/phân xưởng trên cơ sở sản lượng sản xuất trong tháng và đơn giá sản phẩm công ty đã ban hành;
 - ✚ Đối với nhân sự bốc xếp hàng hóa, vật tư tại các NM/Cty thành viên, áp dụng chính sách lương theo đơn giá bốc xếp. Lương bốc xếp tính trên cơ sở khối lượng bốc dỡ và đơn giá bốc xếp Công ty đã ban hành.
- Công ty đã ban hành chính sách tiền lương, tiền thưởng 2016 ngày 25/02/2016. Trong đó quy định chi tiết các chính sách về tiền lương, tiền thưởng, nghỉ phép và các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án và nghị quyết:

a. Các hạng mục đầu tư 2016:

- Đối với dự án đầu tư mới :

- Dự án Nhà máy Bibica Miền Bắc triển khai chậm tiến độ kế hoạch so với tiến độ cam kết với Ban Quản Lý KCN Hưng yên nên phải làm lại thủ tục pháp lý: tách Giấy đăng ký doanh nghiệp khỏi Giấy chứng nhận đầu tư cũ, thanh lý dự án cũ và xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư mới để tiến hành triển khai dự án lại từ đầu. Đến nay Công ty đang xem xét hoàn tất Báo cáo Dự án khả thi cho dự án đầu tư giai đoạn 1 trình HĐQT xem xét thông qua trong năm 2017;
- Dự án kẹo mềm Hifat đã đến giai đoạn triển khai tiếp nhận thiết bị đưa vào mặt bằng lắp đặt. các thiết bị chính triển khai lắp đặt – chạy thử- nghiệm thu từ 20/3-10/5/2017. Sản xuất tung sản phẩm ra thị trường 10-15/5/2017. Tiến độ trễ một phần một số hạng mục xây dựng - ME bị trễ tiến độ do thời gian hoàn thiện nhà xưởng trùng dịp nghỉ tết nguyên đán.

- Đối với đầu tư thiết bị lẻ:

- Đầu tư máy định hình bánh trung thu Reohn và nâng cấp nhà xưởng nhằm tăng công suất định hình, giảm tỉ lệ phế phẩm và đảm bảo an toàn sản xuất trung thu 2016 của Nhà Máy Bibica Biên Hòa;
- Đầu tư máy in phun cho PX bánh 1 thay thế máy cũ nâng cao chất lượng indate sản phẩm sản xuất ở Nhà Máy Bibica Biên Hoà;
- Đầu tư máy dán nhãn – dán seal-indate để hợp lý hóa khâu hoàn tất đóng hủ kẹo thủ công của PX kẹo 1 của Nhà Máy Bibica Biên Hòa;
- Đầu tư thiết bị trộn hương màu nhằm đa dạng hóa lớp phủ socola cho bánh Orenko trên dây chuyền Pie Công ty MTV Bibica Miền Đông;
- Đầu tư băng tải nhằm hợp lý hóa khâu đóng hộp thủ công Orenko hai hương theo cơ cấu không đóng trên máy tự động;
- Đầu tư máy dán thùng - in thùng - cân kiểm hợp lý hóa khâu hoàn tất dây chuyền bánh Biscuit – Nhà Máy Bibica Hà Nội.

- Bảng tổng hợp giá trị quyết toán đầu tư năm 2016:

STT	HẠNG MỤC	Địa điểm đầu tư	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện thực tế 2016
Hạng mục kế hoạch 2015 chuyển sang			12.781.497.929	12.781.497.929
1	Dự án kẹo mềm Hifat	NMBH	12.781.497.929	12.781.497.929
Hạng mục đầu tư thiết bị lẻ 2016			9.114.200.000	5.463.844.500
1	NM BIBICA BIÊN HÒA		8.461.700.000	4.896.772.500
2	NM BIBICA MIỀN ĐÔNG		587.500.000	464.856.000
3	NM BIBICA HÀ NỘI		65.000.000	102.216.000
Tổng cộng			21.895.697.929	18.245.342.429

b. Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016:

Theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2016, HĐQT đã triển khai thực hiện:

- Điều 01: Thông quan báo cáo HĐQT & TGD năm 2015;
- Điều 02: Thông qua báo tài chính năm 2015 (Đã kiểm toán);
- Điều 03: Thực hiện Phân phối lợi nhuận năm 2015 theo đúng nội dung NQ ĐHĐCD TN năm 2015;
- Điều 04: Thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016: kết quả thực hiện tại Khoản 02 Mục II. Phân phối một phần lợi nhuận năm 2016: sẽ trình tại ĐHĐCD TN năm 2017;
- Điều 05: Thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2016: kết quả thực hiện tại Điểm a Khoản 04 Mục II;
- Điều 06: Thực hiện bầu thay thế thành viên HĐQT: Bầu Ông Nguyễn Khắc Hải thay thế Ông Nguyễn Ngọc Hòa và Bầu Ông Kim Jun Yeon thay thế Ông Leong Hoon Cho;
- Điều 07: Thực hiện tạm hoãn sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;
- Điều 08: Chọn công ty kiểm toán TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM, là đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Bibica;
- Điều 08: Thực hiện chi thù lao Hội đồng quản trị theo mức 1,5% lợi nhuận sau thuế của năm 2015;
- Điều 09: Thực hiện chi Thù lao Ban kiểm soát theo mức 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng/tháng/03 thành viên;
- Điều 10: Thực hiện Thương HĐQT, BKS, Ban điều hành với tổng số tiền là 1.934.084.000 (Một tỷ, chín trăm ba mươi bốn triệu, không trăm tám mươi bốn ngàn) đồng.

4. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.006.902.351.465	1.041.148.060.916	3,40%
Doanh thu thuần	1.171.783.252.555	1.263.432.638.244	7,82%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	106.382.829.864	104.703.583.659	-1,58%
Lợi nhuận khác	(864.165.686)	(7.685.727.242)	-789,38%
Lợi nhuận trước thuế	105.518.664.178	97.017.856.417	-8,06%
Lợi nhuận sau thuế	85.815.325.312	81.281.272.751	-5,28%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.287	4.865	-7,98%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
I	<u>Khả năng sinh lời</u>			
1	Hệ số lợi nhuận trên doanh số thuần	%	7,32%	6,43%
2	Hệ số lợi nhuận trên vốn cổ phần	%	55,65%	52,71%
3	Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản	%	8,52%	7,81%
II	<u>Khả năng thanh toán</u>			
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,56	2,95
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,25	2,55
III	<u>Hiệu quả hoạt động</u>			
	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	23,25	26,19
	Vòng quay khoản phải thu	Lần	5,75	12,96
	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	9,16	8,11
	Vòng quay tài sản cố định	Lần	4,88	6,12
	Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,16	1,21
IV	<u>Cơ cấu vốn</u>			
	Hệ số nợ trên tổng tài sản	%	29,92%	27,69%
	Hệ số nợ trên vốn cổ phần	%	195,39%	186,95%
	Hệ số nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu	%	2,74%	2,75%
V	<u>Chứng khoán</u>			
1	Cổ phiếu đang lưu hành	CP	15.420.782	15.420.782
	Trong đó :			
	- Cổ phiếu thường	CP	15.420.782	15.420.782
2	Trái phiếu đang lưu hành	TP		
	Trong đó :			
	- Trái phiếu chuyển đổi	TP		
	- Trái phiếu không chuyển đổi	TP		
3	Thư giá (BPS : Book Value Per Share)	Đồng	29.631	29.631
4	Thị giá (MPS : Market Price Per Share)	Đồng	55.500	93.300
5	Lợi nhuận trên vốn cổ phần (ROE)	%	12,16	10,80
6	Thu nhập trên cổ phần (EPS:Earning Per Share)	Đồng	5.287	4.865
7	Chỉ số P/E		10,50	19,18
8	Cổ tức được chia (DPS : Divident Per Share)		12%	Tạm ứng đợt 1: 6%
VI	Những thay đổi về vốn cổ đông			
1	Vốn điều lệ :	Đồng		
	- Đầu năm	Đồng	154.207.820.000	154.207.820.000
	- Cuối năm	Đồng	154.207.820.000	154.207.820.000
2	Vốn thặng dư :	Đồng		
	- Đầu năm	Đồng	302.726.583.351	302.726.583.351
	- Cuối năm	Đồng	302.726.583.351	302.726.583.351

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- a. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT năm 2016: tính đến ngày 31/12/2016:**

Stt	Họ và tên	24/3/12	16/1/13	16/12/13	31/12/14	31/12/2015	31/12/2016
1	Jung Woo.Lee	0	0	0	0	0	0
2	Trương Phú Chiến	114.075	118.075	118.075	118.075	118.075	118.075
3	Võ Ngọc Thành	289.000	302.500	302.500	302.500	302.500	302.500
4	Jeong Hoon Cho	0	0	0	0	0	0
5	Kim Jun Yeon	0	0	0	0	0	0
6	Nguyễn Khắc Hải	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		403.075	420.575	420.575	420.575	420.575	420.575

- b. Cơ cấu cổ đông: Danh sách cổ đông chốt ngày 26/08/2016:**

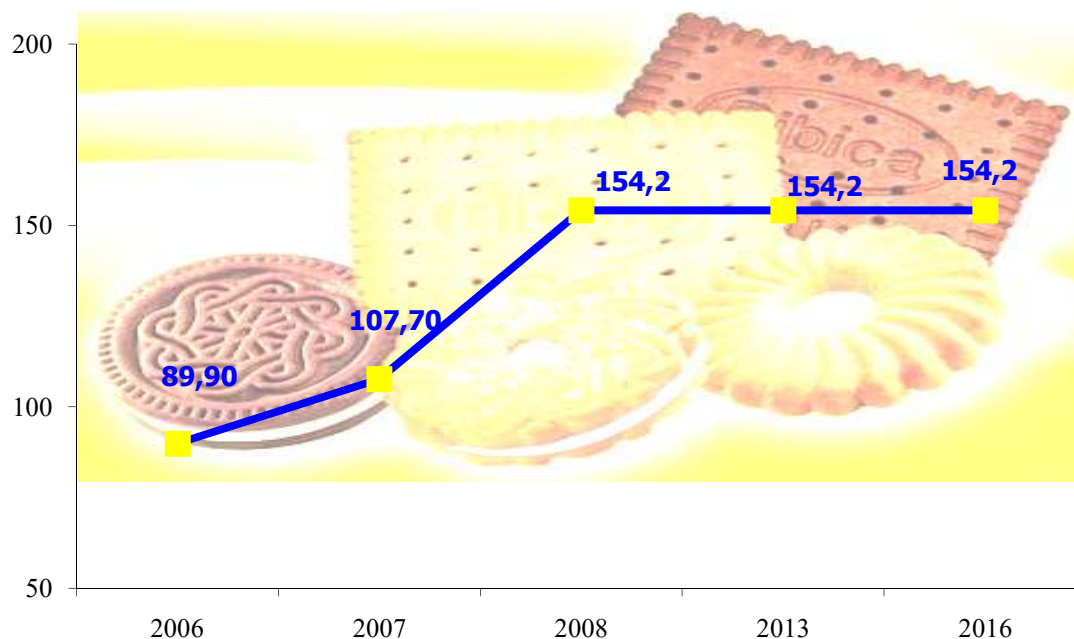
Tổng số CP	Cá nhân		Tổ chức		Tổng Số lượng		Tổng số CP	Tỷ lệ (%)
	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Đã lưu ký		
Trong nước	21.962	1.320.979	0	6.533.109	21.962	7.854.088	7.876.050	51,07
Nước ngoài	0	375.441	4.650.000	2.519.291	4.650.000	2.894.732	7.544.732	48,93
Cộng							15.420.782	100,00

- c. Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông lớn: Danh sách cổ đông chốt ngày 26/08/2016:**

Stt	Họ và tên	Số lượng cổ đông nắm giữ	Tỷ lệ	Cập nhật đến ngày
1	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM PAN	6.742.930	43,73	27/10/2016
2	LOTTE CONFECTIONERY CO., LTD.	6.789.730	44,03	26/08/2016
3	Võ Ngọc Thành	302.500	1,96	26/08/2016
4	POLUNIN DISCOVERY FUNDS-FRONTIER MARKETS FUND	224.620	1,46	26/08/2016
5	Hoàng Thu Hương	183.540	1,19	26/08/2016
6	Kim Heung Soo	181.322	1,18	26/08/2016
7	Trương Phú Chiến	118.075	0,77	26/08/2016
8	Nguyễn Hữu Tùng	96.770	0,63	26/08/2016
9	AFC VF LIMITED	82.880	0,54	26/08/2016
	Cộng	14.722.367		

Tổng số cổ phần phổ thông: 15.420.782 cổ phần.

d. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Từ 2008 đến nay không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tỷ đồng)



6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về ngành Bánh Kẹo. Bibica nhận thức rõ tầm ảnh hưởng của mình đến cộng đồng và sự phát triển bền vững của xã hội. Bibica thấu hiểu sự thành công của một doanh nghiệp sẽ không chỉ đơn giản là những con số về doanh thu, lợi nhuận mà còn là những giá trị vượt trội và lâu dài mà Bibica xây dựng và mang đến cho mọi người.

Định hướng phát triển bền vững của Bibica tập trung vào các nội dung sau:



- Trách nhiệm với sản phẩm – người tiêu dùng:** Sản xuất và cung cấp cho thị trường những sản phẩm có giá trị dinh dưỡng, giá cả hợp lý và an toàn vệ sinh thực phẩm với hệ thống quản lý ISO 22000. Kết hợp với viện dinh dưỡng quốc gia cho ra thị trường những dòng sản phẩm cho người ăn kiêng, người bị tiểu đường. Không ngừng đầu tư, cải tiến công nghệ sản xuất bánh kẹo mới nhất bằng các dự án kẹo mềm Hi-fat, dự án bánh Cracker, Bánh mỳ tươi nhằm cung cấp cho thị trường những sản phẩm chất lượng;
- Trách nhiệm với người lao động:** Đối với công nhân viên, Công ty luôn đảm bảo các chế độ chính sách về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất

ngiệp. Các giá trị công thêm luôn được Công ty quan tâm nâng cấp hàng năm như: chế độ nghỉ mát, tổ chức sinh nhật Công ty và cho toàn bộ CNV. Ngoài ra điều kiện làm việc luôn được nâng cấp, hàng năm thông qua việc nâng cấp cơ sở hạ tầng. Với cấp quản lý Bibica đã tổ chức các khóa đào tạo về quản lý, đào tạo về giảm lãng phí trong sản xuất đã đem lại những kết quả rất lớn cho công ty và kinh nghiệm quý báu cho bản thân.

c. Môi trường và năng

lượng: tại Bibica tất cả các nguồn thải đều được kiểm soát và tuân thủ quy định của nhà nước. Các nhà máy đều có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn. Kiểm soát khí thải định kỳ. Chất thải rắn được xử lý qua công ty dịch vụ môi trường. Đặc biệt trong năm 2016, Công



ty đã tiến hành thay thế toàn bộ bóng đèn compact bằng bóng đèn led tiết kiệm điện. Các dự án mới triển khai công ty ưu tiên chọn những công nghệ phát sinh ít chất thải, sử dụng năng lượng hiệu quả.

d. Trách nhiệm với xã hội:

Tại Bibica văn hóa tương thân tương ái, hỗ trợ đồng nghiệp luôn được Ban Lãnh Đạo khuyến khích tạo điều kiện. Các trương trình xã hội Bibica tham gia bao gồm: hiến máu nhân đạo, nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, xây dựng trường học cho vùng sâu vùng xa. Tặng quà cho các tổ chức, cá nhân trong dịp trung thu, tết.



Chương trình tiếp sức đến trường (tặng sách, xe đạp, bánh kẹo).

Quasure **Mumsure** **Growsure**
Light

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

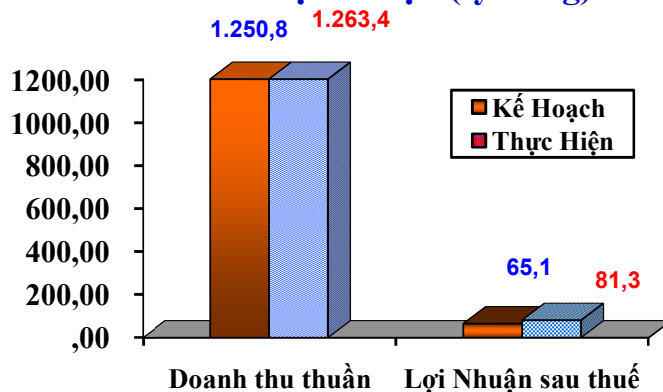
1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- a. Năm 2016, tình hình kinh tế chịu ảnh hưởng nặng của thiên tai, hạn hán, nhiễm mặn và tác động của môi trường dẫn đến sản xuất nông nghiệp và khai thác hải sản chậm tăng trưởng. Tăng trưởng kinh tế cả nước chỉ đạt 6,3%, thấp hơn năm 2015;
- b. Mặc dù vậy, với sự nỗ lực của toàn thể công nhân viên, cộng với chiến lược kinh doanh phù hợp, Công ty đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch đã được thông qua tại ĐHĐCĐ TN 2016. Cụ thể: Doanh số đạt 1263,43 tỷ vượt 7,8% so cùng kỳ và vượt 1% so kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 81,28 tỷ, vượt 24,8% với kế hoạch:

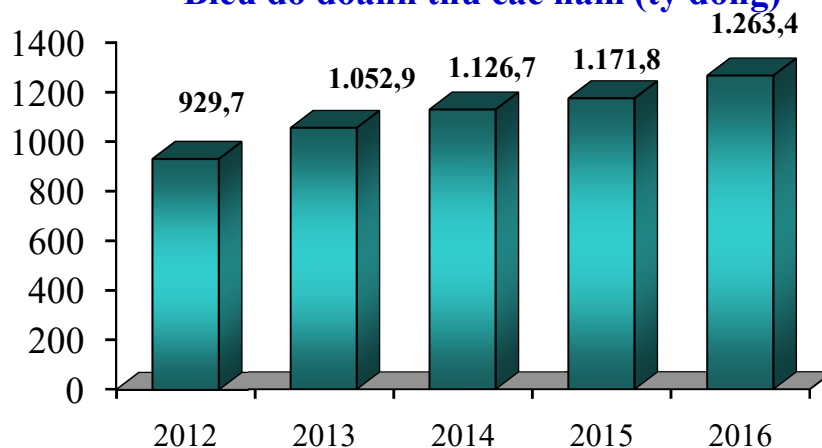
CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	%Tăng/ giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.257.300.000.000	1.271.249.285.355	1,11%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	6.500.000.000	7.816.647.111	20,26%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.250.800.000.000	1.263.432.638.244	1,01%
4. Giá vốn hàng bán	822.170.895.248	818.052.516.238	-0,50%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	428.629.104.752	445.380.122.006	3,91%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	11.323.080.000	18.236.228.681	61,05%
7. Chi phí tài chính	240.000.000	711.421.616	196,43%
- Trong đó: Chi phí lãi vay			
8. Chi phí bán hàng	286.700.000.000	285.308.631.412	-0,49%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	71.052.042.371	72.892.714.000	2,59%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	81.960.142.380	104.703.583.659	27,75%
11. Thu nhập khác	2.500.000.000	1.761.881.615	-29,52%
12. Chi phí khác	2.310.000.000	9.447.608.857	308,99%
13. Lợi nhuận khác	190.000.000	(7.685.727.242)	4145,12%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	82.150.142.380	97.017.856.417	18,10%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.840.779.188	16.004.388.659	-4,97%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(267.804.993)	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	65.309.363.192	81.281.272.751	24,46%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.163	4.865	16,86%

Biểu đồ thực hiện chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận:

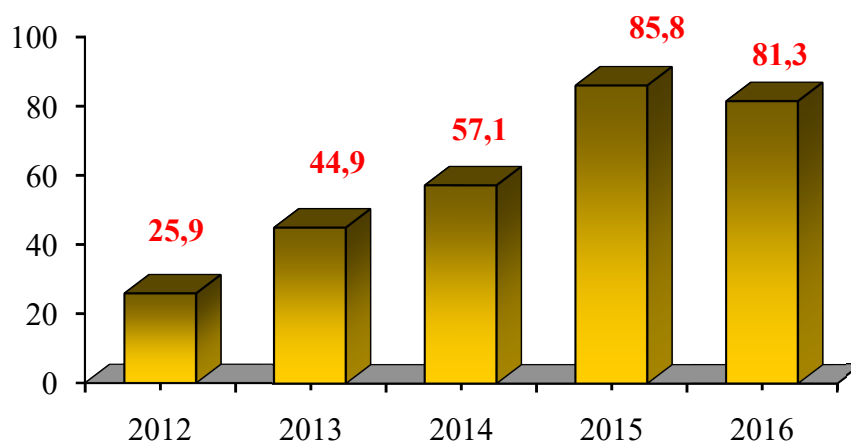
Doanh Thu - Lợi Nhuận (tỷ đồng)



Biểu đồ doanh thu các năm (tỷ đồng)



Biểu Đồ Lợi Nhuận sau thuế (tỷ đồng)



2. Tình hình tài chính:

- a. **Nợ phải trả tài chính:** Công ty có chịu ảnh hưởng rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của rủi ro tài chính tại Công ty là không đáng kể.
- b. **Rủi ro lãi suất:**
 - Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị;
 - Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.
- c. **Rủi ro ngoại tệ:**
 - Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với rủi ro ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể, vì Công ty có nguồn ngoại tệ thu được từ hoạt động xuất khẩu.
- d. **Rủi ro về giá cổ phiếu:** Các cổ phiếu đã niêm yết Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.
- e. **Rủi ro về giá hàng hóa:**
 - Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý;
 - Công ty có lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu chính, có giá thường xuyên biến động để giảm thiểu tối đa mức độ ảnh hưởng của biến động giá.
- f. **Rủi ro tín dụng:** Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu là tiền gửi ngân hàng).
- g. **Tiền gửi ngân hàng:** Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam: Ngân hàng Đầu tư & Phát triển, Ngân hàng TMCP Ngoại thương. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.
- h. **Phải thu khách hàng:** Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng hàng năm. Công ty cấp hạn mức công nợ cho khách hàng dựa trên giá trị tiền ký quỹ của Khách hàng tại Công ty và Giá trị Bảo lãnh thanh toán mà Công ty là người thụ hưởng.
- i. **Rủi ro thanh khoản:** Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản phải trả đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các nhà cung cấp hiện tại.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- a. Tinh gọn bộ phận gián tiếp thông qua giải pháp QA, Kế toán tập trung tại Văn phòng Công ty;
- b. Tiếp tục triển khai công cụ quản lý trong sản xuất: 5S, Lean production, MFCA góp phần giảm chi phí trong sản xuất;
- c. Triển khai thành công giải pháp Shop key tạo được sự gắn kết với Công ty và góp phần gia tăng doanh số trong năm 2016;

- d. Định hướng các giải pháp cho dòng sản phẩm trọng tâm Kẹo, Hura;
- e. Đề ra được chính sách kinh doanh phù hợp góp phần gia tăng doanh số nhóm sản phẩm mùa vụ trung thu, tết. Vượt kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- a. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2017 ổn định ở mức 6.1%.
- b. Thị trường bánh kẹo cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn:
 - Tốc độ tăng trưởng bánh kẹo 8.5~9% (CAGR Năm 2014~2020);
 - Chuyển đổi sang cạnh tranh toàn cầu, bỏ thuế nhập khẩu các nước Asian do hiệp định FTA;
 - Thị trường MT phát triển mạnh do nhiều Công ty tham gia thị trường.
- c. NTD quan tâm đến an toàn thực phẩm hơn sau những sự kiện Fomosa, chất hóa học trong thực phẩm, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật;
- d. Giá xăng dầu, chất béo, đường dự báo sẽ tăng trở lại làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất;
- e. Công ty dự kiến đưa dây chuyền sản xuất kẹo Hi-fat vào tháng 05/2017;
- f. Với các yếu tố trên, kế hoạch của Công ty cho năm 2017 như sau:
 - **Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:**

Dvt: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	% tăng trưởng
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.263.433	1.400.000	9,8%
2. Giá vốn hàng bán	818.053	918.400	10,9%
3. Chi phí bán hàng	285.309	311.200	8,3%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	72.893	80.100	9,0%
5. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	97.018	104.300	7,0%
6. Lợi nhuận sau thuế TNDN	81.281	86.600	6,5%
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.865	5.183	4,1%

- Kế hoạch đầu tư 2017:

Stt	Hạng mục	Giá trị (triệu đồng)	Ghi chú
I	Dự án cũ chuyển sang năm 2017	64.163,4	
1	Dự án kẹo mềm Hifat NMBH	64.163,4	Dự án vào hoạt động 15/5/2017: Công suất 6000 tấn sản phẩm/năm.
II	Dự án mới năm 2017	144.565,90	
1	Dự án dây chuyền bánh cracker NMMĐ	126.361,65	Đầu tư sản phẩm mới cracker 20 tấn / ngày, mở rộng năng lực sản xuất của NMMĐ, gia tăng doanh số Công ty, dự kiến hoàn tất đưa dự án vào hoạt động 30/1/2018.
2	Dự án nâng cấp dc bánh mì NMHN	7.196,15	Nâng cấp chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm mới trên dây chuyền bánh mì Nhà máy Hà Nội. Dự án dự kiến đưa vào hoạt động tháng 5/2017
3	Dự án nâng cấp dây chuyền bánh quy-cookies	5.998,70	Đầu tư đồng bộ phế - gói bánh quy kem, máy trộn nâng cấp chất lượng sản xuất bánh Goody. Dự án dự kiến đưa vào hoạt động tháng 01/06/2017.
4	DA cải tạo nâng cấp hệ thống PCCC NMBH	2.897,70	Cải tạo nâng cấp mới toàn bộ HT PCCC NMBH đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn PCCC mới theo yêu cầu Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Đồng Nai.
5	Dự án nâng cấp phần mềm ứng dụng và phân hệ báo cáo thông minh	2.111,70	Nâng cấp các ứng dụng và phần mềm mới báo cáo lãnh đạo.
III	Các thiết bị lẻ đầu tư năm 2016	8.420,00	
Tổng cộng		217.149,03	

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có vấn đề cần giải trình.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Công ty luôn cam kết với các bên liên quan:

**NGƯỜI
TIÊU DÙNG**

Đối với người tiêu dùng Bibica xác định “ khách hàng là trọng tâm trong mọi hoạt động của chúng tôi” thể hiện trong chính sách An toàn vệ sinh thực phẩm của công ty.

CỔ ĐÔNG

Đảm bảo cho các cổ đông một khoản đầu tư an toàn, sinh lợi một cách bền vững

NHÀ NƯỚC

Tuân thủ chính sách, qui định của nhà nước về các lĩnh vực thuế, người lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường...

ĐỐI TÁC

Hợp tác phát triển trên cơ sở cùng có lợi, minh bạch và có trách nhiệm với xã hội.

NHÂN VIÊN

Mang đến sự thỏa mãn, hài lòng của nhân viên về môi trường làm việc, an toàn , phát triển bản thân và thu nhập cạnh tranh.

CỘNG ĐỒNG

Có trách nhiệm, chia sẻ và phát triển cộng đồng.

Với cam kết đó trong năm 2016, Bibica tiếp tục hợp tác phát triển và không ngừng nâng cao giá trị mang lại cho các bên liên quan trong định hướng phát triển bền vững và thực thi sứ mệnh của mình.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- a. Năm 2016 mặc dù tình hình chung còn nhiều khó khăn, sức mua thấp, cạnh tranh gay gắt nhưng Công ty vẫn giữ được tăng trưởng và đạt kết quả khả quan, hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra cả về doanh số và lợi nhuận;
- b. Các sản phẩm và nhãn hàng chủ lực: bánh Hura, kẹo Migita, Sumika, bánh tét Goody được đầu tư đổi mới bao bì, nâng cấp chất lượng được thị trường chấp nhận và đánh giá tốt, tiếp tục là đầu tàu theo định hướng phát triển của Công ty;
- c. Các Nhà máy duy trì sản xuất ổn định, đảm bảo chất lượng và áp dụng quy trình quản lý kiểm soát chi phí theo dòng chảy nguyên liệu MFCA giúp giảm chi phí sản xuất nâng cao hiệu quả;
- d. Hoạt động bán hàng được củng cố và kiểm soát chặt chẽ, ứng dụng các công cụ như DMS, PDA giúp nâng cao hiệu quả bán hàng và quản trị dữ liệu, chăm sóc khách hàng tốt hơn;
- e. Công ty có nhiều hoạt động xã hội hướng tới cộng đồng: hiến máu nhân đạo, chăm sóc các mẹ Việt Nam anh hùng, xây sửa trường và trợ giúp học sinh nghèo vượt khó...
- f. Một số hạn chế:
 - Dòng bánh pie mặc dù được đầu tư đa dạng hóa sản phẩm và triển khai các hoạt động marketing, tuy nhiên chưa đạt mục tiêu đề ra và tỉ lệ khai thác dây chuyền còn thấp;
 - Tiến độ đầu tư các dự án mới còn chậm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- a. Ban Tổng giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết ĐHCĐ và của HĐQT trong năm. Có nhiều giải pháp quản lý sâu sát hoạt động của từng bộ phận, nhà máy thành viên. Dự báo và kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào;
- b. Ban Tổng giám đốc Công ty có quan tâm cải thiện môi trường làm việc và thu nhập của người lao động, nâng cao phúc lợi, nghỉ mát, sinh hoạt và vận động mọi người tham gia tích cực công tác xã hội;
- c. Tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế nội bộ;
- d. Tuy nhiên trong thời gian tới cần quan tâm đầu tư nhiều hơn cho lĩnh vực nghiên cứu phát triển và Marketing để tạo bước đột phá mới cho Công ty. Cần có chính sách đào tạo, phát triển, giữ nguồn nhân lực trọng yếu cho Công ty trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- a. Đến năm 2021 trở thành Công ty bánh kẹo hàng đầu Việt Nam;
- b. Đầu tư mở rộng sản xuất tại Nhà máy Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông và Nhà máy Bibica tại Hưng Yên. Để đạt mục tiêu tăng trưởng doanh số đến 2021 đạt 2618 tỷ với mức tăng trưởng bình quân 20%/năm;
- c. Phát triển dòng bánh kẹo chất lượng cao và dòng sản phẩm dinh dưỡng sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên có lợi cho sức khỏe;
- d. Tập trung khai thác thị trường tại các thành phố lớn HCM, HN và Kênh MT.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu CP/CK khác	Chức danh	Ghi chú
1	Jung Woo Lee	0%	Chủ tịch	
2	Trương Phú Chiến	0,77%	Phó Chủ tịch	Kiểm Tổng Giám Đốc từ 01/03/2008
3	Võ Ngọc Thành	1,96%	Thành viên	Thành viên độc lập
4	Jeong Hoon Cho	0%	Thành viên	Từ nhiệm ngày 4/5/2016
5	Nguyễn Khắc Hải	0%	Thành viên	
6	Kim Jun Yeon	0%	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 4/5/2016

- HĐQT bổ nhiệm Ông Jung Woo Lee làm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bibica kể từ ngày 28/03/2009 đến nay;
- HĐQT bổ nhiệm Ông Trương Phú Chiến giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Bibica kể từ ngày 01/03/2008 đến nay.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:
 - HĐQT đã thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban điều hành, đã tổ chức các cuộc họp để chỉ đạo chiến lược hoạt động và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - HĐQT đã tuân thủ quy định của pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - HĐQT đã tuân thủ và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



- Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Stt No.	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Jung Woo Lee	CT. HĐQT	28/03/2009	04	100%	
2	Trương Phú Chiến	P.CT HĐQT	26/03/2011	04	100%	
3	Võ Ngọc Thành	Thành Viên	27/03/2010	04	100%	
4	Nguyễn Khắc Hải	Thành Viên	24/10/2015	04	100%	
5	Kim Jun Yeon	Thành Viên	04/05/2016	03	75%	Bổ nhiệm ngày 4/5/2016
6	Jeong Hoon Cho	Thành Viên	28/03/2009 đến ngày 04/05/2016	00	00	Từ nhiệm ngày 4/5/2016

- Nội dung và kết quả của các cuộc họp:

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	005048/2016/QĐBN-HĐQT	04/01/2016	Thông qua: Giao nhiệm vụ cho Ông Vũ Văn Thức phụ trách Khối Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Bibica
2	000386/2016/ NQ-HĐQT	02/03/2016	Thông qua: Tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2015 bằng tiền: mức chi 12%/01 cổ phiếu, ngày thực hiện 31/03/2016
3	Bản tổng hợp ý kiến TV HĐQT	09/03/2016	Thông qua: Phương án phân thưởng vượt lợi nhuận năm 2015 cho Ban Điều Hành, mức thưởng vượt lợi nhuận bằng 20% phần vượt lợi nhuận, tối đa 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).
4	000953/NQ-HĐQT	05/04/2016	Thông qua: Thời gian họp ĐHCĐTN năm 2016 vào 25/05/2016
5	001530/2016/BC-HĐQT	04/05/2016	Thông qua: Miễn nhiệm chức danh TV HĐQT đối với Ông Jong Hoon Cho và bổ nhiệm Ông Kim Jun Yeon giữ chức danh TV HĐQT từ ngày 04/05/2016
6	Bản tổng hợp ý kiến TV HĐQT	10/05/2016	Thông qua: Đầu tư máy định hình trung thu cho Nhà máy Biên Hòa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Bibica
7	003184/2016/NQ-HĐQT	06/08/2016	Thông qua: Tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2016 bằng tiền: mức chi 06%/01 cổ phiếu
8	005260/2016/NQ-HĐQT	26/11/2016	Thông qua: Đầu tư dự án Cracker

d. **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có.

e. **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:**

- Khóa đào tạo về Tăng tốc độ, tăng năng suất, tăng phối hợp với chu trình PDCA & HORENSO từ Nhật Bản" do JAPAN CIRCLE tổ chức: Ông Trương Phú Chiến - PCTHĐQT.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu CP/CK khác	Chức danh	Ghi chú
1	Vũ Cường	0	Thành viên	
2	Nguyễn Văn Giang	0	Thành viên	
3	Hur Jin Kook	0	Thành viên	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Stt No	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Vũ Cường	Thành viên	28/10/2013	04	100%	
2	Nguyễn Văn Giang	Thành viên	28/10/2013	04	100%	
3	Hur Jin Kook	Thành viên	28/10/2013	04	100% (UQ cho Ông Nguyễn Văn Giang)	Công việc cá nhân

- BKS phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT Công ty nhằm nâng cao tính độc lập của BKS;
- HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập tài liệu, thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao HĐQT:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỈ LỆ THÙ LAO	THÙ LAO HĐQT NĂM 2016
1	Jung Woo Lee	Chủ tịch	30%	366.797.147
2	Trương Phú Chiến	Phó chủ tịch	25%	305.664.289
3	Kim Jun Yeon	Thành viên	15% (8 tháng)	122.265.716
4	Võ Ngọc Thành	Thành viên	15%	183.398.574
5	Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	15%	183.398.574
6	Jeong Hoon Cho	Thành viên	15% (4 tháng)	61.132.858
	TỔNG			1.222.657.157

- Thù lao BKS:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỈ LỆ	THÙ LAO BKS NĂM 2016	GHI CHÚ
1	Vũ Cường	Thành viên	40%	100.800.000	
2	Nguyễn Văn Giang	Thành viên	40%	100.800.000	
3	Hur Jin Kook	Thành viên	20%	50.400.000	
	TỔNG			252.000.000	

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch
1	Công ty cổ phần thực phẩm PAN	Cổ đông lớn	0313041011	236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	26/10/2016	6.742.930

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có;

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Báo cáo kiểm toán độc lập

“Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Bibica

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bibica (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 20 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đoàn Thị Thu Thủy

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán

Số: 1070-2013-004-1

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán

Số: 3040-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2017”

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

<i>Mã số</i>	TÀI SẢN	<i>Thuyết minh</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		789.309.796.393	723.052.839.579
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	368.688.250.041	299.793.647.514
111	1. Tiền		65.915.450.041	101.568.647.514
112	2. Các khoản tương đương tiền		302.772.800.000	198.225.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		216.529.535.252	131.270.322.430
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	4.618.744.826	4.618.744.826
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(2.089.209.574)	(2.348.422.396)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	214.000.000.000	129.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	97.490.045.760	203.668.938.971
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		78.590.050.187	74.451.213.128
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		12.049.639.637	192.814.313
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		10.570.945.058	134.963.813.678
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.720.589.122)	(5.938.902.148)
140	IV. Hàng tồn kho	7	100.903.638.657	83.488.669.382
141	1. Hàng tồn kho		104.015.435.313	85.950.400.875
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.111.796.656)	(2.461.731.493)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.698.326.683	4.831.261.282
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	3.984.441.240	4.165.907.154
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14	1.475.532.856	35.318.250
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14	238.352.587	630.035.878
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		251.838.264.523	283.849.511.886
220	I. Tài sản cố định		206.533.187.489	239.940.885.006
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	202.273.094.999	235.067.195.958
222	Nguyên giá		584.347.444.852	577.719.768.533
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(382.074.349.853)	(342.652.572.575)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	4.260.092.490	4.873.689.048
228	Nguyên giá		9.292.486.943	8.994.486.943
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.032.394.453)	(4.120.797.895)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		3.043.705.374	2.104.475.920
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3.043.705.374	2.104.475.920
260	III. Tài sản dài hạn khác		42.261.371.660	41.804.150.960
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	39.341.232.578	39.151.816.871
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	2.920.139.082	2.652.334.089
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.041.148.060.916	1.006.902.351.465

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		288.291.233.439	301.304.231.873
310	I. Nợ ngắn hạn		267.550.910.686	281.964.321.466
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	95.570.976.947	69.029.602.713
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	6.373.109.162	4.469.050.877
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	13.744.493.832	17.889.804.167
314	4. Phải trả người lao động		10.476.155.903	9.034.070.044
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	136.655.973.027	119.970.888.667
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.100.308.610	57.964.809.638
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.629.893.205	3.606.095.360
330	II. Nợ dài hạn		20.740.322.753	19.339.910.407
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	5.841.395.442	6.118.598.517
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	14.898.927.311	13.221.311.890
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		752.856.827.477	705.598.119.592
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	752.856.827.477	705.598.119.592
411	1. Vốn cổ phần		154.207.820.000	154.207.820.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		154.207.820.000	154.207.820.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		302.726.583.351	302.726.583.351
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		224.553.967.078	163.508.737.432
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		71.368.457.048	85.154.978.809
421a	- Lợi nhuận phân phối thừa đến cuối năm trước		(660.346.503)	(660.346.503)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		72.028.803.551	85.815.325.312
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.041.148.060.916	1.006.902.351.465

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2016

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
01	1. Doanh thu về bán hàng	20.1	1.271.249.285.355	1.178.139.117.394
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(7.816.647.111)	(6.355.864.839)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	1.263.432.638.244	1.171.783.252.555
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(818.052.516.238)	(764.731.007.924)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		445.380.122.006	407.052.244.631
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	18.236.228.681	13.328.829.250
22	7. Chi phí tài chính		(711.421.616)	(372.218.871)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(285.308.631.412)	(236.787.465.453)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(72.892.714.000)	(76.838.559.693)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		104.703.583.659	106.382.829.864
31	11. Thu nhập khác	25	1.761.881.615	1.503.812.368
32	12. Chi phí khác	25	(9.447.608.857)	(2.367.978.054)
40	13. Lỗ khác	25	(7.685.727.242)	(864.165.686)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		97.017.856.417	105.518.664.178
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(16.004.388.659)	(21.026.505.425)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	267.804.993	1.323.166.559
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		81.281.272.751	85.815.325.312
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		81.281.272.751	85.815.325.312
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.4	4.865	5.287
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.4	4.865	5.287

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		97.017.856.417	105.518.664.178
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	40.958.629.428	40.305.751.557
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		(1.827.460.685)	8.100.669.763
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.962.436.227)	(1.532.728.998)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(15.702.336.512)	(9.779.747.592)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		118.484.252.421	142.612.608.908
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		110.219.652.932	(10.640.115.844)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(18.065.034.438)	2.853.754.908
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(6.005.534.050)	44.208.299.157
12	Tăng chi phí trả trước		(551.471.014)	(779.415.932)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(19.901.112.684)	(22.602.433.067)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.377.827.599)	(3.709.695.546)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		174.802.925.568	151.943.002.584
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(8.104.303.852)	(3.486.243.834)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		45.000.000	-
24	Thu hồi khoản tiền gửi có kỳ hạn		186.000.000.000	85.000.000.000
25	Chi tiền gửi có kỳ hạn và tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(271.000.000.000)	(179.104.460.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	119.901.000
27	Lãi tiền gửi nhận được		12.977.027.998	10.084.069.567
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(80.082.275.854)	(87.386.733.267)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	Cổ tức đã trả	19.2	(27.757.407.600)	(18.504.938.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(27.757.407.600)	(18.504.938.400)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		66.963.242.114	46.051.330.917
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		299.793.647.514	252.205.941.806
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.931.360.413	1.536.374.791
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	368.688.250.041	299.793.647.514

Thông tin báo cáo tài chính đã kiểm toán vui lòng tham khảo trên Website Bibica theo địa chỉ <http://www.bibica.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh-451>.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Trương Phú Chiến